

Bản án số: 16/2020/HN&GD - ST

Ngày: 28/7/2020

Về việc “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Minh Thảo và ông Bùi Quý Minh Ánh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên.

Đại diện VKSND thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc – Chức danh: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 114/2020/TLST - HN&GD ngày 19 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXX - ST ngày 13/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1985

ĐKHKT: xóm Tân Ấp 2, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1983

ĐKHKT: xóm Tân Ấp 2, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Hiện anh D đang chấp hành án phạt tù tại Trại Giam Đắc P’Lao, Cục C 10 - Bộ Công an (Phân trại số 1, số phạm nhân: DS87E – Đội 18)

Địa chỉ: xã Quảng Khê, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông.

(Có mặt chị Ly, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/5/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày:

Chị và anh Phạm Văn D kết hôn năm 2007, có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Thuận và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D không chung thủy, trong thời gian chị đi hợp tác lao động tại nước ngoài, anh Diễm ở nhà có quan hệ với người phụ nữ khác. Khi chị về nước năm 2013, vợ chồng cũng không chung sống cùng nhau mà ly thân, mỗi người một nơi. Đến năm 2017 anh D phạm tội và bị Tòa án tỉnh Đắk Nông xét xử 10 (Mười) năm tù về tội “Mua bán người”, tại bản án HSST số: 29/2018/HSST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Hiện nay anh D đang chấp hành án tại Trại Giam Đắk P’Lao, Cục C 10 - Bộ Công an, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không còn tồn tại, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Diễm.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh D có con chung là cháu Phạm Thiên K, sinh ngày 24/10/2008. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con vì chị làm công nhân mức thu nhập từ 7.500.000đ đến 10.000.000đ/ đảm bảo đủ điều kiện nuôi con đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 22/6/2020 (tại trại giam Đắk P’ Lao) anh Phạm Văn D trình bày: anh và chị Dương Thị L kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Thuận. Quá trình chung sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không hòa hợp, hạnh phúc. Trong thời gian chung sống, anh không đồng ý cho chị L đi xuất khẩu lao động nhưng chị vẫn cố tình đi. Do vậy, vợ chồng mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị L xin ly hôn, anh không có ý kiến gì, nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là cháu Phạm Thiên K, sinh ngày 24/10/2008. Khi ly hôn, anh đề nghị giao con cho mẹ đẻ anh là bà Phạm Thị Ý chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện tại anh đang đi chấp hành án phạt tù, cháu K đã ở với mẹ đẻ anh từ nhỏ, chị L phụ thêm vào với mẹ anh để nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không có đề nghị gì.

Do anh đang chấp hành án phạt tù nên không yêu cầu hòa giải cũng như không yêu cầu có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị L được ly hôn anh D.*

+ Về con chung: áp dụng 81,82,83,84 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị giao con chung Phạm Thiên K, sinh ngày 24/10/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không có đề nghị gì về cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh D cho đến khi có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

+ Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không xem xét.

+ Án phí: chị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

+ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Dương Thị L khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung với bị đơn anh Phạm Văn D có đăng ký nhân khẩu thường trú tại xóm Tân Ấp 2, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, anh D có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh Diễn.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn D và đề nghị giải quyết quyền nuôi chung là cháu Phạm Thiên K, sinh ngày 24/10/2008 của chị L, HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Phạm Văn D tự nguyện kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Phúc Thuận ngày 26/11/2007, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L đi xuất khẩu lao động, anh D không đồng ý. Trong quá trình chị L ở nước ngoài, anh D có mối quan hệ với người khác, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Đến năm 2013, khi chị L về nước, anh chị cũng không chung sống cùng nhau và đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị L có đơn xin ly hôn anh D, anh D đồng ý. Sự thống nhất về thời gian ly thân mâu thuẫn vợ chồng và nhất trí thỏa thuận ly hôn giữa chị L và anh D cho thấy tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014.

[2.2].*Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: cháu Phạm Thiên K, sinh ngày 24/10/2008. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Còn anh D có đề nghị giao con chung cho mẹ anh là bà Phạm Thị Ý chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện tại anh đang đi chấp hành án phạt tù nên chị không đồng ý. Bản tự khai ngày 19/5/2020 cháu Thiên K cũng có nguyện vọng được ở với mẹ đẻ là chị L.

Chị L cũng đã xuất trình chứng cứ chứng minh đảm bảo yêu cầu nuôi con, bởi chị là công nhân khu công nghiệp của tỉnh Bắc Giang, mức thu nhập từ 7.500.000đ đến 8.000.000đ/tháng (căn cứ vào sao kê tài khoản có xác nhận tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Giang), thì số tiền trong tài khoản của chị L năm 2019 và các tháng liền kề 1, 2, 3/2020 trung bình 7.500.000đ/tháng.

HĐXX xét thấy, quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thuộc về cha mẹ. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh D đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam, do vậy không thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thuộc trường hợp “*người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh D đề nghị giao con cho mẹ đẻ anh nuôi dưỡng là không phù hợp vì theo quy định tại Điều 69, 72 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng con là của cha, mẹ chứ không phải của ông bà; ông, bà chỉ là người hỗ trợ, giúp đỡ. Do vậy, yêu cầu của anh D không được chấp nhận. HĐXX xét thấy cần thiết phải giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về yêu cầu cấp dưỡng: chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện. Do đó, cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh D có đến khi có yêu cầu.

[2.3].*Tài sản chung*: Tại phiên tòa chị L xác định không có tài sản chung. Do vậy, không đặt ra việc giải quyết.

Các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

[2.4].*Án phí*: chị L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015;

Điều 51, 56, 57, 58, 69, 72, Điều 81, 82, 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của chị Dương Thị L với anh Phạm Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L được ly hôn anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Thiên K, sinh ngày 24/10/2008 cho chị Dương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D cho đến khi chị L có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. Các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

5. Án phí: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, biên lai thu số 0004739 ngày 19/5/2020. Xác nhận đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Phúc Thuận (nơi ĐKKH);
- Trại giam Đắc P'Lao, tỉnh Đăk Nông (nơi anh D chấp hành hình phạt tù);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- VKSND, Tỉnh, Huyện;
- THA dân sự;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Hồng Hải